

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 489/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 12 năm 2022

Về việc: Không công nhận vợ
chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Công Trọn

Ông Nguyễn Vũ Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 599/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 435/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Trần M Đ**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp O, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2009, chị và anh Trần Minh Đ chung sống vợ chồng với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, có xác nhận của chính quyền địa phương. Thời gian chung sống do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay xét thấy vợ chồng tiếp tục sống chung không đảm bảo được hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Nhựt D, sinh năm 2011. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Đối với bị đơn anh Trần M Đ: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần M Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Minh Đ chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định của pháp luật. Nay chị N yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân nên Tòa án không công nhận chị N và anh Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Nhựt D, sinh ngày 22/6/2011, hiện đang sống cùng với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, hiện nay con chung đã sống ổn định cùng với chị N nên việc giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Trần Minh Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Nhựt D, sinh ngày 22/6/2011 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 06/10/2022 chị N đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0005437 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được

chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang